

PHÍA SAU MẶT TRẦN



DƯƠNG NGHIỄM MẬU

PHÍA SAU MẶT TRẬN

Dương Nghiễm Mậu

**VĂN số 182
15-7-1971**

phía sau mặt trận

dương nghiêm mật

Bìa: M.P

*Trình bày: **Muôn Phương***

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

phía sau mặt trận

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

LƯƠNG cười nhấc ly bia lên môi nhấp một ngụm rồi một tay kéo ống chân quần, một tay chỉ cho tôi thấy ống chân giả của anh.

– Cậu thấy không, xưa kia Sơn nói người chết hai lần nhưng không nghĩ được rằng chân tôi gãy hai lần, hôm rồi đi với người bạn, chống chân xuống nó gãy, phải ra chỗ sửa xe cho họ bắt một cái vít vào đây...

Tiếp theo với câu nói, anh Lương cười hồn nhiên mà tôi nghe ngậm ngùi không cùng, nơi ống chân giả, hai kẹp sắt nằm hai bên bắt ôm lấy nhau bởi một chiếc đinh

vít, tôi còn nhìn vết gãy cắt ngang ở trong và những vết trầy trụa của việc bắt cái đinh vít vào nơi đó. Tôi nói:

– Bây giờ người ta chết đến bảy tám lần chứ không phải hai lần, chết từ khi chưa chết nữa.

– Mình cũng là người may mắn, hôm rồi ngồi ăn cơm với tay Mai, tôi ngồi bên hần, hần mù cả hai mắt từ Mậu Thân, hần nói với tôi: cho hần biết những món ăn trước mặt để hần gấp. Tôi nói với hần đáng lẽ tôi phải gấp cho hần nhưng tay tôi mới tập cầm đũa không gấp cho hần được, tôi phải chấm tọạ độ cho hần... Nhìn hần giờ tay ra tìm cách cầm lấy ly bia trước mặt, thấy đau lòng... Cậu không thể chịu được khi thấy tay lần hần mỗi dờ xuống và đôi mắt như cố gắng giương lên...

Tôi mỗi một điều thuốc không nói, anh Truật ngồi phía trong mở cho tôi một

hộp bia nữa. Chúng tôi đang ngồi trong chiếc quán nhỏ ven con đường dẫn tới một trại binh, mé bên kia đường là cái hồ lớn, mặt nước lặng lẽ, mùa xuân đang trôi qua những ngày còn sót lại. Tôi nhớ tới những ngày đầu mùa xuân cách đây đã ba năm lần đầu tiên gặp anh Lương tại nơi bộ chỉ huy đơn vị của anh, anh đang bắt tay nói chuyện một người đàn ông đứng tuổi, tay dắt con bò nhỏ về cảm động, đó là con bò mà đơn vị anh đã bắt được trong giữa hai làn đạn và chờ đợi chủ của nó đến nhận. Anh Lương giải thích với tôi là người đó có hai con bò, một con đã bị bắn chết trong cuộc giao tranh. Tôi hình dung đến vẻ ngơ ngác của con bò nhỏ chạy giữa hai làn đạn của cuộc chiến nhem nhuốc những hận thù không tên. Chúng tôi có những ngày sống! nhau trong thị trấn, anh Lương kể cho tôi nghe những ngày hành quân ở Ba Lăng, ở vùng Đồng Di, Tây Hồ... Không đi sợ chính

phủ nghi, Đi thì lại sợ Đồng Di, Tây Hồ...

Chúng tôi nói tới những người đã hy sinh trong cuộc chiến. Dân đã mò đi lấy đạn cho những đồng bạn không kể tới lưới lửa đang bủa vây. Huy bị thương không chịu về quân y viện, ở lại đơn vị sống chết với đồng đội. Sau đó trong một chuyến đi kế tiếp nhảy xuống A-shau thời gian của những cuộc pháo kinh hoàng xuống những thị trấn cùng lúc với những ngày đầu tiên mà những phe trong cuộc chiến rủ nhau tới ngồi quanh một chiếc bàn... Hòa bình, từ đó đến nay vẫn như kẻ tình phụ hoang tàn đời khỏi hạnh phúc của mình làm kẻ đi hoang trong chốn giang hồ...

Những đêm mưa không cùng, những con vắt bám chặt làn da tái nhợt vì lạnh, những cụm lan rừng thơm lừng, những ngụm rượu đế nồng nàn thơm mùi vỏ quýt thấm thiết những tình bạn đường xa.

Tôi không quên những Quân, Bình, Mẫn, Niệm, ... Bây giờ Bình đang ở nước ngoài nuôi những vết thương đã lành. Quân nằm trên Tây nguyên khát khưởng với rượu và tặng phẩm của rừng. Mẫn đã lấy vợ có con, những ai đã chết. Ngày về hậu cứ của đơn vị tôi chỉ còn gặp một hai khuôn mặt và cái bắt tay nông nản... Ba năm đã trôi qua còn những ai sống sót.

Tôi nhớ một đêm nằm ngoài Quảng Trị, anh Toàn giữa hai hộp rượu cay đắng chỉ lên cổ áo hỏi tôi với đôi mắt như đang khóc:

– Anh có biết tôi đã khóc bao nhiêu đồng đội trong ba năm nay để lên một cấp không?

Tôi đã không nói được tiếng nào khi nhìn anh nựng đứa con lớn sáu tuổi trong lòng... Anh Toàn nói ngậm ngùi:

– Mới hồi chiều đây khi tôi tới phúng một sỹ quan, bà mẹ đã khóc chỉ vào mặt mà la lên: “Con tôi chết vì thằng này đây, chính thằng này, chính thằng này làm chết con tôi...” Anh hãy tưởng tượng tới cảnh đó, một hôm nào tôi cũng nằm xuống bỏ lại vợ con...

Chúng tôi uống tiếp những hộp bia, anh Lương nói tình cảnh những người như anh, lý do của những lên tiếng đòi sự sống không phải đòi quyền lợi hay ân huệ, những lên tiếng như chống đối những bất công, như bản trong xã hội. Hôm nào, trong không khí rét mướt, những hạt mưa bụi lấm tấm trên chiếc áo khoác, khi trở lại nhà anh Lương, bao lâu mới gặp lại, tới siết khi anh, anh như muốn đứng lên khỏi giường, nhưng không, anh đứng lên được nữa, anh ngồi im giấu chân trong chiếc chăn dạ, chị Lương tươi cười bế đứa cháu nhỏ tiếp chúng tôi, quay vội đi khi vừa nhìn

thấy nơi chiếc tủ thấp, phía ngoài để chiếc quần của anh Lương với bộ chân giả... Ngày nào tôi trở về gặp Bình một cánh tay gãy bó bột đeo trước ngực, một bên vai vết thương chưa lành, Bình nói tới ngày ở Đức Dục, Bình đã nhìn thấy anh Lương tưởng như đã chết cùng với Châu.

Một bên chân quà tặng cho cuộc chiến. Một nỗi tan hoang tặng phẩm cho mình và một tấm lòng trao cho người vợ trẻ. Một hy vọng gửi lại cho những đứa con thơ sau này nhắc lại về một người cha đã ở trong cuộc chiến... Anh Lương nói:

– Người ta nói cậu điều hậu ghê lắm...

Tôi uống một hơi bia dài, nghiêm trang nhìn anh Lương đôi gò má đã đỏ au chất men:

– Anh cũng nghĩ như thế?

Anh Lương phá lên cười :

– Thế còn tôi, chắc là điều hâu gộc, một điều hâu gây cánh.

Giọng nói pha với tiếng cười nghe đắng chát và lạnh băng.

Anh Lương cúi xuống chăm điều thuốc, tôi nhìn thấy những nếp nhăn trên vầng trán rộng của một người vừa ngoài ba mươi tuổi trong đời mình.

– Ngay từ đầu tôi đã thấy rằng những người thuộc vào lớp mình sẽ không được quyền có mặt nữa trong một xã hội mới. Và những người cộng sản. Cả hai đều đã đứng ở hai phía cực đoan. Tôi ở quân đội, ai cũng biết không phải là một hai năm, cả mười năm nay, tôi đã chiến đấu, nhưng tôi không mong muốn chiến tranh này, mình phải chấp nhận vì không muốn sống như một kẻ hèn chui nhủi giữa đồng rác và không muốn bị kêu tên ra giữa đồng vắng mà nhận cái chết. Trong tình thế khe khắt anh

phải lựa chọn trong sự không toàn vẹn... Điều hâu, những kẻ nói mình như vậy mà không biết xấu hổ, thế họ là cái gì, họ là bồ câu chắc, không đâu, họ là một thứ rời bỏ gì thì đúng hơn. Phải đứng thẳng, nói thẳng, nhìn về phía trước không xấu hổ... tôi chọn như thế, và tôi chấp nhận những gì sẽ đến không kinh sợ. Tôi không có gì để được thêm, tôi cũng không có gì để mất... Tôi nghĩ cậu hiểu tôi,

Giọng anh Lương bỗng thấp hẳn xuống, cơn cău giận trôi nhanh. Tôi lặng đi với những ý nghĩ riêng. Anh Truật đòi kêu thêm bia nữa, chúng tôi nói thôi, mình uống nhiều rồi, trên mặt bàn những hộp bia ngổn ngang, chúng tôi đứng lên chia tay nhau, tôi dìu anh Lương ra xe.

Tôi nói:

– Gặp lại anh tôi mừng lắm.

Anh Lương giữ chặt lấy tay tôi. Tôi nhớ lại ngày tôi trở lại, tôi cũng đã nói một câu ngắn như thế. Thực tình tôi nghĩ như thế. Ít nhất anh cũng còn sống...

* * *

Chúng tôi thức dậy từ bốn giờ sáng pha lấy cà phê uống. Hải vẫn còn như say, buổi tối hôm trước chúng tôi đã rủ nhau ra bên chợ uống một châu bia hào sảng với những người bạn. Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày Những người bạn thân đã đùa với chúng tôi như thế trước khi chúng tôi lên đường. Câu nói tình cờ ấy như ám ảnh Hải, anh lại còn sợ khi vợ con anh ra tới đầu ngõ, anh nói: từ trước tới giờ có bao giờ như thế đâu...

Chúng tôi tới nơi hẹn, ánh sáng chưa rõ mặt người... Chín giờ Chuyến bay của

chiếc vận tải cơ đưa chúng tôi tới vùng trận địa. Tôi nhớ người bạn thân quý nay đã bỏ những chuyến đi để ngồi trong một văn phòng: lấy nơi trận địa làm vùng dong chơi... Ba năm trời rồi, có hôm nhìn lại tôi rùng mình, đã ba năm tôi biết tới cái giường của riêng mình. Ngày lên đường nhập ngũ tôi sống với người chị ruột, khi từ quân trường trở ra chị tôi đã đi ở chỗ khác, những đồ đạc của tôi được gói lại gửi cho một người quen biết. Lúc trở về tôi nhìn những gói sách vở ngậm ngùi, tôi biết rằng tôi đã bước vào những ngày tháng khác. Với đời sống quân ngũ, cắm trại, ứng chiến, rồi những chuyến đi không ngừng tách tôi ra khỏi một đời sống cố định. Như cánh chim lạc bầy, xa tổ, những đêm ngủ không nhất định, khi nằm trên mặt bàn, khi nằm trên những chiếc ghế can lại với nhau, khi trong nhà người bạn, khi trong khách sạn, khi dưới hầm. Như một kẻ bị lưu đầy, tôi

hiếu ra những cay đắng trong đời mình. Tôi cũng không có gì nữa để mất, như là tôi đã mất hết. Mỗi lần đi xa trở về ngôi nhìn cha già mái tóc mỗi ngày một bạc thêm tôi ân hận khôn cùng. Như đứa con hoang toàng trong gia đình, như kẻ phá phách trong xã hội, như người lơ đãng trong cuộc tình, như kẻ tìm kiếm không ngừng những ngày thơ ấu đã mất. Có lúc tôi nhìn thấy tôi ngơ ngẩn trong đời sống chóng mặt những quay quắt. Bây giờ mọi người đã đổi thay, những bạn bè ngày nào lo làm giàu, lo nuôi vợ con, lo tìm kiếm những nhu cầu trong đời sống, tôi quanh hiu với tôi, tôi quanh quẩn với tôi, và tôi nhìn ngắm bụi ngùi sự vật, thiên nhiên.. Mồ hôi máu đã túa ra rồi đó... Tiếng động cơ cồn cào, lòng máy bay nóng bức ngọt ngát, tôi nhìn thấy những gương mặt trẻ, họ tới mặt trận bổ sung cho những đơn vị đầu tiên, chúng tôi nằm ngôi nghiêng ngả và tôi thiếp đi trong nôn nao...

Chúng tôi không ai bảo ai đều như tỉnh dậy, máy bay đang lượn vòng chờ đáp xuống phi trường. Với cảm tưởng như mình bị liệt xuống, máy dừng lại như giật chúng tôi về phía sau. Máy nổ trở lại. Máy bay đã đáp xuống một phi trường quá trình ngắn do những miếng kẽm ghép lại với nhau. Bước ra khỏi lòng khi cơ chúng tôi chỉ thấy bụi tấp vào mặt và hàng trăm trực thăng đậu chung quanh, bay trên đầu, tiếng trọng pháo nổ không ngừng với một không khí oi ả. Những người lính như nhuộm đất bột vôi vãi lên máy bay, trong giây phút chiếc máy bay đã trở lên lại, những luồng bụi cát không ngừng tấp vào mặt. Chúng tôi cùng nhau kéo đi ra phía ngoài rồi leo chập lên chiếc xe dời khỏi phi trường để đi vào những con đường nhỏ lên xuống và bụi mù. Hai chiếc xe cách nhau khoảng 10 thước có lúc không nhìn thấy qua làn bụi, trên dọc đường có lúc chúng tôi phá lên

cười khi thấy một lính Mỹ cỡi trần, đội mũ ngồi đọc sách với khẩu súng dựa nơi vai và chiếc máy khâu thanh để bên cạnh. Con đường đất bột có lúc chạy men theo những sườn đồi hai bên còn những hố bom lớn những gốc cây lớn bật rễ, còn đó một ngôi nhà chỉ còn những bức tường đá, xưa kia nơi đây là một đồn điền, trong thung lũng này là quận lỵ mà dân chúng bao gồm một số người thượng gốc Bru, nay những người này một phần lớn đã trở về dưới đồng bằng từ những năm 1967 khi cuộc chiến đang ở hồi khốc liệt Trong những khu rừng sơ sác người lính có thể bỗng nhiên tìm thấy giữa những bụi lá những trái cà phê đỏ tươi như giọt máu, hay nơi những thân cây một bụi lan rừng trở bông kỳ lạ... Một người bạn nói: Sau này khi yên mình sẽ lên đây khấn hoang. Chúng tôi cùng phá lên cười. Bao giờ cho mộng của anh là sự thật?

Bữa cơm trưa trong lều của những người lính mũ đỏ. Thời gian đó những người lính bộ binh đổ quân xuống cách Tchépone khoảng 4 cây số. Buổi chiều chúng tôi đứng trên đồi cao ngó xuống ngọn đồi dưới xa những trục thẳng và cánh quân còn lại. Một số bạn đồng hành theo trục thẳng nhảy xuống với đơn vị bộ binh ở xa biên giới nhất. Tôi ở lại bộ chỉ huy. Quảng nói tới người lính về ngôi khóc vì người anh cùng trong đơn vị bị thương đã không thể trở về. Đứa em bất lực chỉ còn lại những giọt nước mắt.

Anh Lành kể cho tôi nghe những ngày dài nhất trên đồi 31, anh đã lao người thoát khỏi vòng tay của địch, với 18 bao gạo sấy anh chạy trong rừng bốn ngày đêm mới gặp vị của thiếu tá Phú, anh nói tới một sỹ quan pháo binh phá hủy những khẩu trọng pháo và đọ chết, anh nói tới một người bạn vô danh cầm lựu đạn leo lên thiết giáp địch cố

gắng tìm cách thả vào những vô ích, anh Lành nói tới người vợ mới cưới sáu tháng và bào thai của đứa con tương lai... Thiếu tá Phú chỉ vào cuờm tay: ông vẫn còn phải tiếp nước biển mỗi ngày, mặt ông hóp lại, râu nhiều trên mép trên cằm... Tôi nằm trong hầm nghe bài hát rã rời: *anh trở về trên chiếc băng ca... anh trở về dang dở đời em...*

Tôi nhủ thầm, ít nhất cũng còn trở về .. Chiều xuống không khí se lạnh với gió. Ly cà phê của Vũ và Hoài, câu chuyện về nơi tôi vừa bỏ lại sau lưng. Đầu tôi nhức buốt với những ý nghĩ chập chờn chỉ còn nhớ lại: chúng tôi hẹn nhau nhậu nhẹt cho say một hôm nào đó. Đã lâu mình không uống được say nữa. Nếu không còn say được... Vũ hỏi: Nghe nói cậu sắp lấy vợ. Tôi nói : lấy vợ. Tôi nhớ lại một câu: cho anh đánh cắp trái tim em. Tôi cười bùi ngùi với mình. Ôm trái tim em mà anh không biết trốn đi đâu

cho khỏi bị truy lùng, khắp cả, không còn nơi nào cho chúng ta, cho tình yêu. Khắp cả, không còn nơi đâu.. Thương cho những Trương Chi và My Nương trong thời buổi này. Đêm đặc quánh, ngọn núi phía biên giới rực cháy, ngọn lửa đỏ vươn cao oằn oại theo chiều gió thổi. *Thuở trời đất nổi cơn gió bụi... Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt, Khói Cam toàn mờ mịt thức mây, Chín tầng gươm báu trao tay, Nửa đêm truyền hịch...* Giọt nước mắt lung linh nhòa nhập đau buồn nhìn về một hương xa chỉ còn nhìn thấy bốn phương trời lửa loạn mịt mù mà thiên nhiên kia cũng như sầu thảm...

* * *

Chiếc trực thăng đưa tôi cùng những thương binh trở lại phía sau mặt trận. Nơi hậu cứ một đơn vị quân y, những thương

binh xuống ở đó, tôi thấy những chiếc quan tài phủ quốc kỳ. Trời nhá nhem tối trực thăng đưa tôi trở lại Đông Hà. Trại binh hoang vắng cô quạnh, tôi leo lên phía sau chiếc vận tải lớn ra quốc lộ. Anh Định gặp tôi đưa trở về Quảng Trị. Đã ba năm anh Định vẫn như ngày nào. Anh hỏi tôi : Anh thấy gì, nghĩ gì. Tôi nói: Còn biết nói thế nào... Tôi lại nghĩ tới khung cảnh êm đềm nồng nàn những hơi rượu mạnh trong một gian phòng khi tôi ghé lại. Những người có mặt cầm trên tay những cây bài, trên chiếc bàn nhỏ một đồng những giấy bạc 500 còn mới, nói tới nơi trận địa, một người nói giọng lơ đãng: Phe ta đánh phe mình... Những bàn tán này khác... Tôi cũng đã không nói gì, bỏ ly rượu không uống xuống chân tường và về. Còn biết nói thế nào.

Anh Định chỉ cho tôi một đồng những lò sưởi bằng dầu hôi, đó là của một đơn vị hành quân gửi lại. 300 chiếc quan tài bỏ

ngón ngang trong sân quân y viện trước Tết, kho gạo ngoài Đông Hà, những xe cát đổ xuống sân quân y viện làm náo loạn thị trấn... Những người lính rủ nhau ăn chay..... Sau mấy ngày trời mới thay được bộ quần áo, bột xà bông xát lên người đỏ màu gạch cua. Uống ly bia có nước đá với anh Định, chúng tôi nói chuyện với nhau tới khuya. Tại sao không tiên liệu về khí hậu và hỏa lực phòng không đối với trực thăng? Tại sao không tiên liệu quân số địch, vũ khí và xe tăng? Tại sao không có phát thanh, báo cho gần 30 ngàn lính trong vùng? Bài học lớn chưa phải là muộn, sự lạc hậu của một thành phần... Còn biết nói thế nào?

* * *

Tôi nhớ lại một lá thư viết từ một làng quê miền Bắc gửi vào miền Nam cho một người bộ đội cộng sản, thư bị bỏ lại trên

mặt trận khi cuộc hành quân vào Kampuchea tiến xa vào những khu an toàn trước đó. Lá thư viết trên giấy lớn có hàng kẻ, chữ viết non nót của một đứa trẻ đang học những năm đầu bậc tiểu học. Thư được viết bởi tay một đứa con cho người cha đi Nam, lời do bà nội đọc cho cháu viết. Lá thư hỏi thăm người ở xa, chuyện gia đình bình yên và đặc biệt nhấn mạnh là từ 6 năm qua ở quê nhà đã không được tin gì của người đi xa, không quên kê khai một hàng dài những ngày tháng mà từ quê nhà thư đã gửi đi mà không có hồi âm. Trông hàng kê đó tôi nghĩ tới một vách nhà, hay trên một cánh cửa, người thơ kia đã ghi bằng phấn hay than lên đó những ngày tháng gửi thư đi Nam và trông đợi trong vô tâm... Ở dưới lá thư có phần do chính đứa con thơ viết, nó hỏi cha nó làm thế nào để chiếc đồng hồ Jaz có trong nhà, từ ngày người cha ra đi chiếc đồng hồ hư không chạy được, mà

trong gia đình thì không còn ai để tìm cách sửa cho chiếc đồng hồ kia chạy...

Đọc lá thư tôi ghen ngào. Tôi hình dung tới một ngôi nhà cô quạnh xóm quê nơi miền Bắc, trong đó có một gia đình mà chỉ còn lại một bà già, người vợ, những đứa trẻ, không còn ai là đàn ông, nơi đó đứa con nhỏ không biết nhờ cậy vào ai, nó chỉ có cha nó ở trong Nam, cái đồng hồ hư nó cũng không còn ai để hỏi, nhưng thư đi không có hồi âm. Tôi tự hỏi: người bộ đội đi Nam đã sáu năm kia có còn sống và hy vọng một ngày về... Cuộc chiến đã thêm mười năm nữa, bao nhiêu người đã ra đi không trở lại mái nhà xưa... Tôi nhớ tới một lá thư ngỏ của một người nào đó đăng trên một tờ báo cho cụ Hồ Chí Minh đã hơn mười năm trước, trong đó có một câu thơ cổ tôi còn nhớ tới hôm nay: *Nhất tướng công thành vạn cốt khô...*

Buổi chiều anh Tấn nói với tôi một nơi ăn bún bò rất ngon, anh đãi tôi, ngà ngà với chai bia, anh Tấn đọc trên vách tường vôi bần một dòng chữ: *Chết như bọn ta hồn thành cạp*, dưới có ký tên không rõ một người lính thuộc binh chủng TQLC. Anh Tấn nhắc đi nhắc lại mấy lần câu viết ngắn ngủi đó đầu gật gù: *Chết như bọn ta hồn thành cạp...* Tôi thấy như rợn người. Cái quán bún ấy áp vào tường của nhà xác nên thường được gọi là bún bò nhà xác. Hàng chữ ấy tôi đã thấy từ chuyến đi trước, nay trở lại vẫn còn nguyên vẹn như hàng chữ khắc trên mộ bia.

Buổi tối ngồi trong gian phòng nhỏ, anh bạn kể với tôi về đám ma ở cách nhà anh mấy nhà, người cha già đi nhận xác người con trở về bỏ trong chiếc va-li, với khoảng đường mấy chục cây số, nhưng khi

mang trở lại nhà, buổi sáng hôm sau chiếc va-li nặng không còn nhắc lên được nữa.

Tôi đã trở về xa mặt trận, có người gặp hỏi chuyện đường xa, thực ra tôi không có gì để kể lại, và nếu phải kể thì kể như thế nào. Có lẽ chỉ có mình Vinh hiểu trong buổi tối chúng tôi đi với nhau. Buổi tối trong một thành phố rực rỡ ánh đèn, những hộp đêm có vũ thoát y, có nhạc cuồng loạn và men rượu nồng nàn, những mưu toan. Và chúng tôi thì cô quạnh giữa một vài thân tình còn lại hiếm quý như báu vật. *Từ khi sông núi ta chưa ra đời... hay là Từ khi trăng nước chưa thành thơ...*

Dương Nghiễm Mậu

tháng 3/71

(Trích Tập san văn chương tư tưởng nghệ thuật VĂN năm thứ 8 số 182 ra ngày 15/7/1971 trang 67-75)

